

Bản án số: 39 /2019/HS-ST
Ngày 19 -11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Điều Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 06/11/2019 đối với các bị cáo đối với các bị cáo :

1. Vũ Đức Q, Sinh năm: 1984; tại: tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Bon B L, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề ngH: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Ngọc D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989 và 02 người con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình H tuyên phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2019, đến ngày 15/5/2019 được thay thế bằng biện pháp Cầm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đoàn D, Sinh năm: 1991; tại: tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: bon B D, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề ngH: Dân quân (xã Q T); Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Quang T, sinh năm 1967 và bà Đoàn Thị Kh sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2019, đến ngày 04/6/2019 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T Đ; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đắc Búk So, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Chủ tịch – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người có nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ B K, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Ngô Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ B K, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đình L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Trương Hữu H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ B K, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

5. Sú Năm S, sinh năm 1973; Địa chỉ: Bon B L, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

6. Dương Xuân H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bon B L, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

7. Phan Đình T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Bon B L, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

8. Trương Công Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ: Bon B D, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

9. Phạm Xuân T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Bon Bu Prăng IA, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bon B L, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Ông Trần Sỹ Minh L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Bon B L, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi có Quyết Đ của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV L N Q T giao cho UBND huyện T Đ quản lý phần diện tích đất thuộc địa giới hành chính tại xã Đ Ng và Q T, huyện T Đ thì UBND huyện T Đ đã ban hành Quyết Đ số 1561/UBND-KL ngày 24/10/2017 giao cho UBND xã Q T quản lý, bảo vệ với diện tích 1.412,84ha rừng. Ngày 02/01/2018, UBND xã Q T có Quyết Đ số 01/UBND giao cho Ban chỉ huy Quân sự xã Q T tuần tra, quản lý, bảo vệ rừng, lập tổ quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tại các tiểu khu 1443, 1447, 1458, 1459, 1441, 1449, 1481, 1474, 1475, 1488, 1506, 1529, 1523, 1536 thuộc địa giới hành chính xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Ban chỉ huy quân sự xã Q T đã phân công tổ quản lý bảo vệ rừng đóng chốt tại chốt L T Q T.

Đến giữa tháng 09/2018, Nguyễn Đoàn D là T đội trưởng dân quân cơ động xã Q T, huyện T Đ được phân công làm tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng tại chốt L T Q T. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với Vũ Đức Q nên trong thời gian D đi tuần tra tại tiểu khu 1488 có vào nhà Q chơi. Tại đây, Q xin D hạ một số cây gỗ Bằng Lăng và gỗ Dầu Đỏ để xẻ lấy gỗ về làm nhà thì được D đồng ý và D dặn Q khi nào làm thì báo cho D biết.

Vào khoảng tháng 11 năm 2018, Q sử dụng máy cưa xăng nhãn hiệu STILL 381 cưa hạ 01 cây gỗ Dầu Đỏ có hai thân còn tươi để xẻ đòn tay làm nhà, nhưng Q chưa xẻ ngay mà để nguyên tại hiện trường. Đến cuối tháng 12 năm 2018, Q sử dụng máy cưa cắt lóng hai thân cây dầu được 10 lóng (mỗi lóng dài từ 2,5m đến

4,2m). Q tiếp tục sử dụng máy cưa xăng cưa hạ thêm 11 cây Bằng Lăng tươi có đường kính gốc từ 25cm đến 40cm, nằm rải rác cách gốc cây đầu từ 40m đến 50m và cắt số cây bằng lăng này được 23 lóng (mỗi lóng dài từ 2m đến 3m). Sau đó, Q dùng máy cưa xăng xẻ tất cả số gỗ trên thành gỗ hộp. Ngày 01/01/2019, Q thuê xe cang của Nguyễn Văn T (trú cùng bon), chở khoảng 05 hộp gỗ Dầu Đỏ và khoảng 10 hộp gỗ Bằng Lăng về để ở sân nhà mục đích để gần tết mang đi bán.

Đến ngày 16/01/2019, Q đến chốt quản lý bảo vệ rừng gặp D xin xẻ ít nẹp giường để bán thì được D đồng ý. Ngày 26/01/2019, Q rủ Sú Năm S (tên gọi khác là Th, trú cùng bon), đi xẻ gỗ cho Q để lấy tiền tiêu xài thì S đồng ý. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Q ra khu vực bãi đá cách nhà khoảng 200m, dùng máy cưa xăng hạ thân cây Bằng Lăng còn tươi đang đứng cắt thành 03 lóng (kích thước mỗi lóng dài 2m) và 04 lóng (kích thước dài 50cm). Sau đó, Q cắt lóng thân cây bằng lăng còn lại được 07 lóng (kích thước mỗi lóng dài 2m). Khoảng 15 giờ 30 phút, S chạy xe cày màu đỏ đến chở tất cả số gỗ Bằng Lăng đã cắt lóng về đổ tại sân nhà Q. Q và S lắp ráp cưa mâm xẻ nẹp giường (kích thước mỗi thanh 01mx8cmx2cm), Q và S xẻ được khoảng 07 lóng gỗ Bằng Lăng thì nghỉ. Khoảng 08 giờ ngày 27/01/2019, Q một mình xẻ lóng gỗ Bằng Lăng còn lại cho đến 10 giờ cùng ngày thì xong. Sau đó, Q gọi điện thoại cho D xin chở nẹp vừa xẻ xong đưa ra ngoài bán, nhưng do D đang đi đám cưới ở Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, nên D nói với Q đợi D về rồi tính. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Q và Sú Năm S vận chuyển khoảng 55 bó nẹp giường với khối lượng 1,3m³ ra ngã ba cách chốt khoảng 500m cất giấu. Chiều ngày 29/01/2019, anh Phạm Xuân T (là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q T) đi kiểm tra thì phát hiện 55 bó gỗ nẹp Q cất giấu và lập biên bản thu giữ gỗ.

Đến trưa ngày 03/02/2019, Q gọi điện thoại cho Dương Xuân H (trú cùng bon), để thuê xe cang của H chở gỗ Dầu Đỏ và gỗ Bằng Lăng đã xẻ hộp ra bán cho Ngô Văn T (trú tại thôn 1, xã Đắk Buk So, huyện T Đ). Khoảng 16 giờ cùng ngày, H chạy xe cang (xe mượn của ông Dương Xuân Phụ) vào vị trí cây gỗ Dầu Đỏ Q đã xẻ hộp trước đó, kéo được 03 hộp lên thùng xe cang rồi chạy về bỏ ở sân nhà Q rồi quay lại tiếp tục kéo thêm 05 hộp gỗ Dầu Đỏ và 04 hộp gỗ Bằng Lăng lên xe cang, do Q chưa xin D để chở gỗ ra nên H điều khiển xe cang chạy vòng ra sau rẫy nhà Q cất giấu.

Khoảng 11 giờ ngày 05/02/2019 (mùng 1 tết Nguyên Đán), Q cùng vợ đi chúc tết thì gặp D tại nhà ông Trần Sỹ Minh L (trú cùng bon). Lúc này, Q xin D cho chở gỗ ra thì được D đồng ý (Việc Q chở bao nhiêu khối gỗ, xe của ai thì D không biết, chỉ nghe Q nói là tối sẽ chở ra). Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Q thuê thêm xe cang của Nguyễn Văn T (trú cùng bon) đến vị trí khai thác cây gỗ Dầu Đỏ chở 02 hộp gỗ Dầu Đỏ và khoảng 10 hộp gỗ Bằng Lăng và H điều khiển xe cang chở gỗ ra bán cho T. Trên đường đi thì xe cang của T bị hỏng, còn xe cang của H tiếp tục chở gỗ đi theo hướng vòng sau chốt L T Q T đến bán cho T. S ngày 06/02/2019 (mùng 2 tết Nguyên Đán), D gặp Q ở dọc đường hỏi Q xe đã ra chưa, thì Q nói là xe hư chưa ra được, khi nào ra sẽ báo. Đến đêm cùng ngày, sau khi xe của T sửa xong thì tiếp tục chở số gỗ còn lại ra bán cho T. Tổng khối lượng gỗ (gồm gỗ Bằng Lăng và gỗ Dầu Đỏ) Q chở hai chuyến xe ra bán cho Ngô Văn T là 7,493m³, quy ra gỗ tròn là 11,989m³, T trả cho Q 30.000.000 đồng. Ngoài ra, T còn mua của Nguyễn Văn

Ch (trú cùng thôn) 1,3m³ gỗ Bằng Lăng xẻ hộp với số tiền 2.600.000đồng.

Ngày 15/02/2019, liên ngành Công an, Hạt kiểm lâm và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã tiến hành khám nghiệm hiện trường khai thác lâm sản tại tiểu khu 1488 (do UBND xã Q T, huyện T Đ quản lý bảo vệ) xác Đ và thu giữ tại vị trí khai thác gồm 11 lóng gỗ Bằng Lăng có khối lượng là 2,321m³; 03 lóng gỗ Dầu Đỏ có khối lượng là 0,478m³. Qua khám xét tại nhà của Vũ Đức Q thu giữ ở sân gồm 04 hộp gỗ Bằng Lăng có khối lượng là 0,260m³, 05 lóng gỗ tròn Bằng Lăng khối lượng là 0,226m³.

* Tại bản kết luận giám Định ngày 15/02/2019 của Hạt kiểm lâm huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Về sắc mộc, nhóm gỗ: có 06 hộp gỗ xẻ đo tính ra khối lượng 1,558m³, sắc mộc gỗ SP thuộc nhóm VI; 07 lóng gỗ tròn đo tính ra khối lượng 1,2m³, sắc mộc gỗ SP thuộc nhóm VI, khối lượng 1,711m³ thuộc nhóm III, gỗ Bằng Lăng và 4,224m³ gỗ Dầu đỏ thuộc nhóm V.

- Về khối lượng, giá trị lâm sản:

+ Theo bảng kê lâm sản lập ngày 13/02/2019: khối lượng 6,758 m³ gỗ Dầu đỏ, quy tròn tính ra tiền Việt Nam đồng là 22.978.560 đồng; khối lượng 2,738 m³ gỗ Bằng Lăng, quy tròn tính ra tiền Việt Nam đồng là 12.045.440 đồng.

+ Theo bảng kê lâm sản lập ngày 14/02/2019: khối lượng 2,493 m³ gỗ Dầu đỏ, quy tròn tính ra tiền Việt Nam đồng là 8.475.520 đồng; khối lượng 1,2 m³ gỗ tạp, quy tròn tính ra tiền Việt Nam đồng là 2.265.600 đồng.

Tổng khối lượng lâm sản là 13,189 m³ tính ra tiền Việt Nam đồng là 45.765.120 đồng.

- Về loại rừng: là loại rừng Tự nhiên được quy hoạch là rừng sản xuất.

* Tại bản kết luận giám Định ngày 16/02/2019 của Hạt kiểm lâm huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Về sắc mộc, nhóm gỗ: 04 hộp gỗ xẻ đo tính ra khối lượng 0,26 m³, sắc mộc gỗ Bằng Lăng thuộc nhóm III; 14 lóng gỗ tròn đo tính ra khối lượng 2,824 m³, có 10 lóng sắc mộc gỗ Bằng Lăng, được đánh số thứ T theo bảng kê lâm sản từ lóng 1 đến lóng 3 và từ lóng số 8 đến lóng số 14 có khối lượng 2,346 m³ thuộc nhóm III, còn lóng số 4 đến lóng số 7 theo thứ T trong bảng kê là loại gỗ Dầu đỏ thuộc nhóm V, đo tính ra khối lượng 4,478 m³. Đối với 05 lóng gỗ tròn thu tại khu vực xung quanh nhà rẫy Vũ Đức Q, sắc mộc gỗ Bằng Lăng khối lượng 0,226 m³.

- Về khối lượng, giá trị lâm sản:

+ Khối lượng tại khu vực xung quanh nhà rẫy Vũ Đức Q: khối lượng 0,642 m³ gỗ Bằng Lăng quy tròn, tính ra tiền Việt Nam đồng là 2.824.800 đồng. +

Khối lượng tại khu vực khai thác: khối lượng 2,346 m³ gỗ Bằng Lăng, quy tròn tính ra tiền Việt Nam đồng là 10.322.400 đồng; khối lượng 0,478 m³ gỗ Dầu đỏ, quy tròn tính ra tiền Việt Nam đồng là 1.625.200 đồng.

Tổng khối lượng lâm sản tính ra tiền Việt Nam đồng là 14.772.400 đồng.

- Về loại rừng: là loại rừng Tự nhiên được quy hoạch là rừng sản xuất.

* Tại bản kết luận giám Định ngày 06/4/2019 của Hạt kiểm lâm huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Về sắc mộc, nhóm gỗ: 812 thanh gỗ xẻ nẹp đo tính ra khối lượng 1,3 m³, sắc mộc gỗ Bằng Lăng, thuộc nhóm III; 08 hộp gỗ xẻ Bằng Lăng, khối lượng 0,912 m³; 10 hộp gỗ xẻ có khối lượng 1,517 m³ là gỗ Sao xanh, thuộc nhóm II.

- Về khối lượng, giá trị lâm sản:

+ Theo bảng kê lâm sản lập ngày 06/12/2018: khối lượng 1,459 m³ gỗ Bằng Lăng quy tròn, tính ra tiền Việt Nam đồng là 6.420.480 đồng.

+ Theo bảng kê lâm sản lập ngày 29/01/2019: khối lượng 2,08 m³ gỗ Bằng Lăng quy tròn, tính ra tiền Việt Nam đồng là 9.152.000 đồng.

+ Theo bảng kê lâm sản lập ngày 12/02/2019: khối lượng 2,427 m³ gỗ Sao xanh quy tròn, tính ra tiền Việt Nam đồng là 15.170.000 đồng.

- Về loại rừng: là loại rừng T nhiên được quy hoạch là rừng sản xuất.

Tổng số lâm sản Vũ Đức Q khai thác trái phép là 17,535 m³. Bao gồm 9,729 m³ gỗ Bằng Lăng quy tròn và 7,806 m³ gỗ Dầu quy tròn.

Tại bản kết luận số 20/KL-HĐĐGTS ngày 11/6/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng huyện T Đ kết luận:

Tổng giá trị thiệt hại được quy thành tiền là 89.014.400 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng), trong đó giá trị thiệt hại do Vũ Đức Q khai thác trái phép là 67.423.920 đồng, do Nguyễn Văn Chanh khai thác là 15.170.000 đồng.

*** Về vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại TA-1034; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GiGi loại V22 màu đỏ; 01 xe máy kéo có vô lăng; 01 xe ô tô biển số 48C-005.84; 01 máy cày màu đỏ kéo rơ mooc; 01 giàn cửa mâm bằng gỗ, 01 lưỡi cửa mâm đường kính 45cm, 01 lưỡi cửa mâm đường kính 35cm; 01 máy cửa xăng nhãn hiệu STILL màu cam, lam cửa dài 80cm; 01 máy cửa xăng không rõ nhãn hiệu, lam cửa dài 50cm; 01 máy nổ nhãn hiệu VIKYNO màu đỏ, có bánh xe để kéo; 5,782 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ hộp, gỗ xẻ), 0,478 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ tròn), 4,183 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ hộp, gỗ xẻ), 2,572 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ tròn), 1,517 m³ gỗ Sao Xanh (gỗ hộp). (Có lý lịch gỗ kèm theo)

Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết Định xử lý vật chứng trả lại 01 xe máy kéo có vô lăng, 01 xe ô tô biển số 48C-005.84 cho chủ sở hữu hợp pháp.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Đại diện cho bị hại là Ủy ban nhân dân huyện T Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường theo quy Định của pháp luật.

Tại cáo trạng số: 36/CT - VKS ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố: bị cáo Vũ Đức Q về tội Vi phạm quy Định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, quy Định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Đoàn D về tội Vi phạm quy Định về quản lý rừng, quy Định tại điểm c khoản 1 Điều 233 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo Vũ Đức Q, Nguyễn Đoàn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo là đúng, không oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ Q công tố luận tội và tranh luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2018 đến ngày 06/02/2019, tại tiểu khu

1488 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông quản lý, bảo vệ. Là tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng nhưng Nguyễn Đoàn D đã cho phép Vũ Đức Q khai thác trái phép lâm sản, gây thiệt hại tổng khối lượng 17,535 m³ gỗ quy tròn, bao gồm gỗ Bằng Lăng và gỗ Dầu Đỏ, tổng giá trị thiệt hại được quy thành tiền là 67.423.920 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng). Hành vi của bị cáo Vũ Đức Q đã đủ yếu tố cấu thành về tội Vi phạm quy Đ về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; Hành vi của bị cáo Nguyễn Đoàn D đã đủ yếu tố cấu thành về tội Vi phạm quy Đ về quản lý rừng. Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức Q từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời đã bị bắt, tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 233; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đoàn D từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- * Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho UBND huyện T Đ số tiền 67.423.920 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng).

- * Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2,3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện T Đ đã trả lại 01 xe máy kéo có vô lăng, 01 xe ô tô biển số 48C-005.84 cho ông Dương Xuân Phụ, Trương Như Quỳnh là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 máy cày màu đỏ kéo rơ mooc cho Sú Nầm S, vì đây là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng S, vợ S không biết việc S sử dụng xe để đi chở gỗ cho bị cáo Vũ Đức Q.

Tịch thu, bán sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại TA-1034; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GiGi loại V22 màu đỏ; 01 giàn cửa mâm bằng gỗ, 01 lưới cửa mâm đường kính 45cm, 01 lưới cửa mâm đường kính 35cm; 01 máy cửa xăng nhãn hiệu STILL màu cam, lam cửa dài 80cm; 01 máy cửa xăng không rõ nhãn hiệu; 01 lam cửa; 01 máy nổ nhãn hiệu VIKYNO màu đỏ, có bánh xe để kéo; 5,782 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ hộp, gỗ xẻ), 0,478 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ tròn), 4,183 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ hộp, gỗ xẻ), 2,572 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ tròn), 1,517 m³ gỗ Sao Xanh (gỗ hộp).

Phản tranh luận các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Xuân T cho rằng việc xác Đ 1,3m³ gỗ vô chủ là có căn cứ vì khi lập biên bản anh không biết số này là của ai, không có người trông coi và thẩm Q của Đoàn 12 có Q lập biên bản ban đầu.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm Q, trình T thủ tục tố tụng theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết Định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Định tố tụng, của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo Vũ Đức Q đã bất chấp các quy Đ của pháp luật về khai thác và bảo vệ rừng, nên trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2018 đến ngày 06/02/2019, tại tiểu khu 1488 (lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông quản lý, bảo vệ) Vũ Đức Q đã có hành vi khai thác trái phép lâm sản. Nguyễn Đoàn D là tổ trưởng tổ quản lý bảo vệ rừng nhưng đã lạm dụng chức vụ, Q hạn cho phép Vũ Đức Q thực hiện hành vi khai thác trái phép lâm sản, gây thiệt hại tổng khối lượng 17,535 m³ gỗ quy tròn, bao gồm gỗ Bằng Lăng và gỗ Dầu Đỏ, tổng giá trị thiệt hại được quy thành tiền là 67.423.920 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Do đó có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Vũ Đức Q về tội Vi phạm quy Đ về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, quy Đ tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Đoàn D về tội Vi phạm quy Đ về quản lý rừng, quy Đ tại điểm c khoản 1 Điều 233 Bộ luật hình sự. Cụ thể:

Điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự quy Đ:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy Đ tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

b. Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng T nhiên từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m³) đến dưới 15 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA”.

Điểm c khoản 1 Điều 233 Bộ luật hình sự quy Định:

“1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, Q hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

c.Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy Đ tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật này”.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng lớn đến việc bảo vệ tài nguyên rừng và quản lý lâm sản của Nhà nước. Do vậy, HĐXX xét thấy để đảm bảo việc giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ nghèo; Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng điểm s (điểm i cho bị cáo D) khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Q) Điều 51 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Trong vụ án này bị cáo Q là người chủ động, thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất và có nhân thân xấu nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình trở thành công dân có ích. Bị cáo D là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo T cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính Quyền địa phương cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm với nhau về hành vi vi phạm các quy Định của pháp luật về khai thác và bảo vệ rừng, vì vậy các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự giá trị thiệt hại về rừng 67.423.920 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng). Tuy nhiên, bị cáo Q là người trực tiếp thực hành cưa hạ các cây gỗ nên cần buộc bị cáo Q phải bồi thường số tiền 47.423.920 đồng; buộc bị cáo D phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe máy kéo có vô lăng, 01 xe ô tô biển số 48C-005.84 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp (ông Dương Xuân Ph, Trương Như Q) là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với 01 máy cày màu đỏ kéo rơ mooc của Sú Năm S, nhận thấy đây là tài sản chung của vợ chồng S, vợ S không biết việc S sử dụng xe để đi chở gỗ cho bị cáo Vũ Đức Q nên cần trả lại cho Sú Năm S là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại TA-1034; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GiGi loại V22 màu đỏ; 01 giàn cưa mâm bằng gỗ, 01 lưỡi cưa mâm đường kính 45cm, 01 lưỡi cưa mâm đường kính 35cm; 01 máy cưa

xăng nhãn hiệu STILL màu cam, lam cửa dài 80cm; 01 máy cửa xăng không rõ nhãn hiệu; 01 lam cửa; 01 máy nổ nhãn hiệu VIKYNO màu đỏ, có bánh xe để kéo; 5,782 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ hộp, gỗ xẻ), 0,478 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ tròn), 4,183 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ hộp, gỗ xẻ), 2,572 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ tròn), 1,517 m³ gỗ Sao Xanh (gỗ hộp) là vật chứng của vụ án sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, bán sung quỹ nhà nước.

Đối với Ngô Văn T có hành vi mua gỗ không có nguồn gốc hợp pháp của Vũ Đức Q với tổng khối lượng quy ra gỗ tròn là 11,989m³ (gồm gỗ Bằng Lăng và Dầu Đỏ). Tuy nhiên, giữa Q và T không có sự bàn bạc thỏa thuận trước và không đủ Đ lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Hạt Kiểm lâm huyện T Đ để xử lý theo quy Định pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn Ch có hành vi khai thác lâm sản trái phép với khối lượng 1,517 m³ (gỗ hộp) Sao Xanh và 1,3 m³ gỗ Bằng Lăng xẻ hộp (gỗ quy tròn là 4,507 m³) tại Tiểu khu 1488 không đủ Định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã chuyển cho Hạt kiểm lâm huyện T Đ để xử lý theo quy Định pháp luật.

Đối với Sú Năm S có hành vi cùng với Vũ Đức Q khai thác trái phép 1,3m³ gỗ Bằng Lăng xẻ nẹp (quy ra gỗ tròn là 2,08m³). Quá trình điều tra xác Đ S không tham gia với Q khai thác gỗ bán cho Ngô Văn T và không đủ Đ lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT chuyển hồ sơ cho Hạt Kiểm lâm huyện T Đ để xử lý theo quy Định pháp luật.

Đối với Lê Duy L, Dương Xuân H có hành vi vận chuyển lâm sản trái phép. Hành vi của các đối tượng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan CSĐT chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Hạt Kiểm lâm huyện T Đ để xử lý theo quy Định pháp luật.

Đối với Phạm Xuân T (Phó chủ tịch UBND xã Q T), Trương Công Đ (cán bộ Hạt kiểm lâm) tiến hành lập biên bản ban đầu khi phát hiện khối lượng 1,3m³ gỗ bằng lăng xẻ nẹp vào ngày 29/01/2019, không có người trông coi, không xác Đ được chính xác là của ai nên lập biên bản vô chủ là có căn cứ nên không xem xét giải quyết.

Đối với Phan Đình T có hành vi giới thiệu cho Ngô Văn T mua gỗ Dầu Đỏ của Vũ Đức Q; đối với Công ty lâm NG N T Ng không xử lý đúng quy Định của pháp luật trong việc tạm giữ phương tiện vi phạm và 0,912 m³ gỗ hộp Bằng Lăng vào ngày 06/12/2018, không chuyển cho Hạt Kiểm lâm huyện T Đ để xử lý theo thẩm Q, mà trả lại phương tiện cho Vũ Đức Q. Do không xử lý triệt để nên dẫn đến Vũ Đức Q tiếp tục có hành vi khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép tại tiểu khu 1488 thuộc xã Q T, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức có văn bản đề nghị cơ quan chức năng xử lý theo quy Định pháp luật

Đối với Nguyễn Đình L thỏa thuận mua gỗ nẹp của Vũ Đức Q, do không biết Q khai thác gỗ trái phép và các bên cũng chưa giao nhận gỗ và tiền nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Trương Hữu H được Ngô Văn T thuê chở gỗ, Hoàng Quốc H, Điều T, Điều N, Nguyễn Thái S, Điều X, Điều N được Ngô Văn T thuê bốc gỗ và xẻ gỗ, do không biết nguồn gốc gỗ nên không có căn cứ xử lý theo quy Định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn T hiện nay đã bỏ trốn khỏi địa phương, chưa xác Định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với khối lượng 0,912 m³ gỗ hộp Bằng Lãng do Công ty TNHH MTV LN N T N thu giữ vào ngày 06/12/2018 của Vũ Đức Q. Cơ quan CSĐT xác Định số gỗ này do Q xẻ tận dụng trong quá trình dọn rẫy để trồng cà phê. Cây gỗ bằng lãng này không xác Định được ai cưa hạ, cưa hạ vào thời gian nào, khi Q dọn rẫy thì gốc cây đã bị mục không còn nữa, thân cây đã bị mục và bong phần gốc. Do đó, không tính vào tổng khối lượng Q khai thác gỗ trái phép, mà chuyển vụ việc cho Hạt Kiểm lâm huyện T Đ xử lý theo thẩm Quyền.

Xét quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có căn cứ, đúng pháp luật, tuy nhiên mức hình phạt vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đề nghị đối với bị cáo Vũ Đức Q có phần nghiêm khắc, vì bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, vì vậy HĐXX cần xử phạt bị cáo mức thấp hơn so với mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đủ răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Đức Q và Nguyễn Đoàn D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy Định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức Q 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy Định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2019 đến ngày 15/5/2019.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 233; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đoàn D 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy Định về quản lý rừng”. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/11/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Đoàn D cho Ủy ban nhân dân xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy Định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết Định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2,3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự.

-Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã trả lại 01 xe máy kéo có vô lăng, 01 xe ô tô biển số 48C-005.84 cho ông Dương Xuân P, Trương Như Q là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 máy cày màu đỏ kéo rơ mooc cho Sứ Nầm S.

Tịch thu, bán sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại TA-1034; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GiGi loại V22 màu đỏ; 01 giàn cửa mâm bằng gỗ, 01 lưới cửa mâm đường kính 45cm, 01 lưới cửa mâm đường kính 35cm; 01 máy cửa xăng nhãn hiệu STILL màu cam, lam cửa dài 80cm; 01 máy cửa xăng không rõ nhãn hiệu; 01 lam cửa; 01 máy nổ nhãn hiệu VIKYNO màu đỏ, có bánh xe để kéo; 5,782 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ hộp, gỗ xẻ), 0,478 m³ gỗ Dầu Đỏ (gỗ tròn), 4,183 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ hộp, gỗ xẻ), 2,572 m³ gỗ Bằng Lăng (gỗ tròn), 1,517 m³ gỗ Sao Xanh (có đặc điểm như biên bản thu giữ vật chứng).

-Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Vũ Đức Q phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện T Đ số tiền 47.423.920 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi) đồng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Đoàn D phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện T Đ số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy Định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14.

Buộc bị cáo Vũ Đức Q phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.371.000 (Hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn) đồng (làm tròn) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Đoàn D phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự có kháng cáo bản án, người có nghĩa vụ liên quan có Quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;

- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV C.a tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- THADS huyện T Đ;
- CA huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Người có qlnvlq;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Nguyễn Văn Hồng

CÁC HTND

TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

